

Số: /SGD&ĐT-TCCB  
V/v hướng dẫn quy đổi chứng chỉ  
ngoại ngữ theo khung năng lực  
ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

Hòa Bình, ngày tháng 10 năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTH ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ về việc “quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ”; Công văn số 3755/BGDĐT-GDTH ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 2517/SNV-CCVC ngày 14/9/2020 của Sở Nội vụ tỉnh Hòa Bình về việc quy đổi chứng chỉ, chứng nhận tiếng Anh quốc tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1604/UBND-KGVX ngày 21/9/2020 về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc quy đổi chứng chỉ/chứng nhận năng lực ngoại ngữ để phục vụ công tác tuyển dụng, sử dụng, nâng ngạch cán bộ, công chức, thăng hạng viên chức trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

### **1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ trong nước**

**a) Công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị trong nước được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi, cấp chứng chỉ như sau:**

- Chứng chỉ A, B, C được cấp theo quy định tại Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được tổ chức tại các khóa học trước ngày 17/12/2008 (căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 về việc ban hành chương trình Giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành).

- Các chứng chỉ tiếng Anh A, B, C được cấp theo quy định tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên, được tổ chức tại

các khóa học trước ngày 15/01/2020 (căn cứ Thông tư số [20/2019/TT-BGDĐT](#) ngày 26/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bãi bỏ các quy định về kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo chương trình giáo dục thường xuyên tại Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008).

- Chứng chỉ tiếng Anh thực hành A1, A2, B1, B2, C1, C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của bộ GD&ĐT về việc Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành, được tổ chức tại các khóa học trước ngày 15/11/2017 (căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT ngày 29/9/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

- Chứng chỉ tiếng Anh của các đơn vị đủ điều kiện tổ chức thi, cấp chứng chỉ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08/5/2020 của Cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo danh sách các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ.

**b) Chứng chỉ ngoại ngữ trong nước quy đổi như sau:**

<b>Chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam</b>	<b>Trình độ theo QĐ số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008</b>	<b>Trình độ theo QĐ số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993, QĐ số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008</b>
Bậc 6	Trình độ C2	
Bậc 5	Trình độ C1	
Bậc 4	Trình độ B2	
Bậc 3	Trình độ B1	Trình độ C
Bậc 2	Trình độ A2	Trình độ B
Bậc 1	Trình độ A1	Trình độ A

**2. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế**

- Công nhận các chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh quốc tế TOEFL, IELTS, TOEIC, Cambridge đối với các tổ chức được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi cấp chứng chỉ quốc tế như: Trung tâm Giáo dục quốc tế IDP; Hội đồng Anh được ủy quyền tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ IELTS; Công ty IIG Việt Nam được ủy quyền cấp chứng chỉ TOEFL và chứng chỉ TOEIC; Một số Trung tâm chính thức được ủy quyền tổ chức thi cấp chứng chỉ Cambridge English (Công văn số 1616/QLCL-QLVBCC ngày 18/7/2018 của Bộ GDĐT).

- Các chứng chỉ/chứng nhận tiếng Anh và ngoại ngữ khác do các đơn vị đủ điều kiện cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ Phụ lục III kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày

15/02/2012 của Bộ GDĐT về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ GDĐT; Phụ lục II kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ; Bảng quy chuẩn trình độ kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ GDĐT; Công văn số 3762/BGDĐT-GDĐH ngày 05/6/2013 của Bộ GDĐT về việc công nhận chứng chỉ TOEFL ITP khi xem xét năng lực ngoại ngữ; Công văn số 642/BGDĐT-ĐANN ngày 25/01/2013 của Bộ GDĐT về việc trả lời Công văn số 998/IIG-HCNS của Công ty Cổ phần IIG về việc cho phép tổ chức các bài thi trong hệ thống TOEIC và TOEFL tại Việt Nam; Công văn số 991/BGDĐT-QLCL ngày 15/3/2018 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế thi THPT quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2018; một số chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được quy đổi như sau:

**a) Bảng quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế**

<b>Khung tham chiếu Châu Âu về ngoại ngữ - CEFR</b>	<b>IELTS</b>	<b>TOEFL ITP</b>	<b>TOEFL iBT</b>	<b>TOEIC</b>	<b>TOEIC Bridge</b>	<b>Cambridge ESOL Exams</b>	<b>Chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho VN (Bậc)</b>
C2	7.5+	650-677	110 - 120	945 - 990		CPE (Pass)	6
C1	6.5 - 7.0	590-649	94 - 109	850-940		CAE (Pass)	5
B2	5.0 - 6.0	500-589	46 - 93	600-845	90-100	FCE (Pass)	4
B1	4.0 - 4.5	450-499	31 - 45	450-595	76-89	PET (Pass)	3
A2	3.0 - 3.5	337-449	30	225-445	43-75	KET (Pass)	2
A1	< 3.0	< 337	< 30	120-220	30-42	KET (Pass)	1

**b) Bảng quy đổi các chứng chỉ ngoại ngữ khác (do các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp hợp pháp).**

<b>Tiếng Nga</b>	<b>Tiếng Pháp</b>	<b>Tiếng Đức</b>	<b>Tiếng Trung</b>	<b>Tiếng Nhật</b>	<b>Tiếng Hàn</b>	<b>Chuẩn theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho VN (Bậc)</b>
TRKI 4	DALF C2		HSK cấp độ 6	JLPT N1	TOPIK II Level 6	6
TRKI 3	DALF C1		HSK cấp độ 5	JLPT N2	TOPIK II Level 5	5
TRKI 2	DELF B2 TCF niveau 4	B2 test DaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3	TOPIK II Level 4	4
TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK II Level 3	3
TBU	DELF A2	A2	HSK cấp độ 2	JLPT N5	TOPIK I Level 2	2
TEU	DELF A1	A1	HSK cấp độ 1		TOPIK I Level 1	1

Hướng dẫn này thay thế những văn bản trước đây về sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có hướng dẫn mới, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ căn cứ tình hình thực tế và các văn bản liên quan để sửa đổi hướng dẫn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Website ngành;
- Lưu: VT, TCCB (05).

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Thị Kim Tuyến**